TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2018/DS-PT Ngày 17 - 5 - 2018 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Bà Phạm Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 303/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Niêm T - sinh năm 1968; cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Tấn D – sinh năm 1980;

2. Bà Nguyễn Thị Kiều T – sinh năm 1977;

Hộ khẩu thường trú: Khu dân cư số 23, tổ 6, thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Cùng tạm trú tại thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Ông Nguyễn Tấn D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kiều T theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2018).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kiều T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2018, bổ sung đề ngày 13/01/2018, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Niêm T trình bày:* Ngày 10/12/2015, ông Nguyễn Tấn D và Nguyễn Thị Kiều T có vay (mượn) của bà số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 10/11/2017 sẽ trả cho bà số tiền trên. Khi vay tiền, ông D, bà T có viết giấy mượn tiền, trong giấy mượn tiền không ghi mức lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận mức lãi suất 1%/tháng, thời gian trả tiền lãi từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng.

Đến ngày 13/11/2016, ông D và bà T tiếp tục vay (mượn) của bà số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 13/11/2017 sẽ trả cho bà số tiền trên. Khi vay tiền, ông D và bà T có viết giấy mượn tiền, trong giấy mượn tiền không ghi mức lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận mức lãi suất 1%/tháng, thời gian trả tiền lãi từ ngày 13 đến ngày 15 hàng tháng.

Như vậy, ông D và bà T nợ bà tổng số tiền là 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông D và bà T vẫn không trả tiền cho bà.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Kiều T phải trả cho bà tổng số tiền 331.000.000đ (Ba trăm ba mươi mốt triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 320.000.000đ và tiền nợ lãi với mức lãi suất 1%/tháng (tiền lãi tính từ ngày 13/11/2017 đến ngày 06/3/2018), thành tiền là 11.840.000đ, nhưng bà chỉ yêu cầu trả tiền nợ lãi 11.000.000đ.

** Tại bản tự khai ngày 29 tháng 01 năm 2018, bị đơn là ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:* Ngày 10/12/2015 (DL) ông, bà có mượn bà Trần Thị Niêm T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đến ngày 13/11/2016 ông, bà mượn thêm bà T số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) để làm ăn. Tổng số tiền ông, bà nợ bà T là 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng), hai bên có thỏa thuận miệng là khi ông, bà làm ăn được thì trả lãi 1%/tháng. Nay, bà T yêu cầu ông, bà trả số tiền nợ trên thì ông, bà chưa có tiền trả, đến ngày 13/11/2018 ông, bà sẽ trả đủ số tiền 320.000.000đ cho bà T.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Niêm T. Buộc ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Kiều T phải trả cho bà Trần Thị Niêm T số tiền 331.000.000đ (Ba trăm

ba mươi mốt triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 320.000.000đ, tiền nợ lãi là 11.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 20/3/2018 và ngày 29/3/2018, bà Nguyễn Thị Kiều T có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Niêm T về việc buộc bà phải trả số tiền lãi 11.000.000đ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều T làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung:

- Về tiền nợ gốc: Ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Kiều T thừa nhận có vay của bà Trần Thị Niêm T tổng số tiền 320.000.000đ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tiền nợ lãi: Khi vay tiền, hai bên thoả thuận miệng mức lãi suất 1%/tháng. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận. Ông D và bà T cho rằng hai bên thỏa thuận chỉ trả lãi khi làm ăn có hiệu quả, nên thời gian đầu có trả tiền lãi cho bà T nhưng sau đó làm ăn không hiệu quả, nên không trả tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 02/02/2018, ông D và bà T đồng ý trả tiền lãi cho bà T theo thỏa thuận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D và bà T phải trả tiền nợ lãi cho bà T là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả lãi từ ngày 13/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đồng ý chỉ yêu cầu ông D, bà T trả 02 tháng tiền lãi, thành tiền là 6.400.000đ. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm về phần tiền nợ lãi. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Kiều T (vừa là nguyên đơn vừa là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn D) đều thừa nhận vào ngày 10/12/2015 và ngày 13/11/2016 có mượn của bà Trần Thị Niêm T tổng số tiền 320.000.000đ, cả hai lần mượn đều viết giấy mượn tiền. Mặc dù phía dưới Giấy mượn tiền đề ngày 13/11/2016 có nội dung thể hiện việc ông D, bà T hẹn trả số tiền 220.000.000đ vào ngày 13/11/2018. Bà T và bà T đều thừa nhận chữ viết là của bà T nhưng khi Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông D và bà T phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 320.000.000đ, ông D và bà T không kháng cáo về phần trả tiền nợ gốc, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên bản án sơ thẩm về phần trả tiền nợ gốc đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà T về phần trả tiền nợ lãi thì thấy rằng: Mặc dù trong 02 Giấy mượn tiền đề ngày 30/11/2015 (Âm lịch) tức ngày 10/12/2015 (Dương lịch) và ngày 13/11/2016 giữa bà T với ông D và bà T không thể hiện mức lãi suất nhưng theo bà T, hai bên có thỏa thuận miệng mức lãi suất 1%/tháng nhưng ông D, bà T thì cho rằng hai bên thỏa thuận chỉ trả lãi khi ông, bà làm ăn được, còn nếu không thì không phải trả tiền lãi nhưng ông D, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận này. Tại phiên tòa, bà T cung cấp Giấy hẹn nợ đề ngày 03/01/2018 do bà T viết có nội dung thể hiện mức lãi suất phải trả là 1%/tháng. Bà T thừa nhận chữ viết trong Giấy hẹn nợ là của bà. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 02/02/2018, ông D và bà T đồng ý trả tiền lãi cho bà T với mức lãi suất 1%/tháng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông D và bà T phải trả tiền nợ lãi cho bà T với mức lãi suất 1%/tháng là có căn cứ.

Tuy nhiên theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và tại Biên bản hòa giải ngày 02/02/2018, bà T chỉ yêu cầu ông D và bà T trả cho bà 02 tháng tiền lãi (từ ngày 13/11/2017 đến ngày 13/01/2018) là 6.400.000đ nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 13/11/2017 đến ngày 06/3/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 03 tháng 21 ngày, thành tiền 11.840.000đ nhưng bà T chỉ yêu cầu trả 11.000.000đ tiền lãi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T là không chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đồng ý chỉ yêu cầu ông D, bà T trả cho bà 02 tháng tiền nợ lãi, thành tiền là 6.400.000đ. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi, buộc ông D và bà T phải trả cho bà T 02 tháng tiền lãi, thành tiền là 6.400.000đ (320.000.000đ x 1%/tháng x 02 tháng).

[3] Về án phí:

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho bà T.

Ông D, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.320.000đ (326.400.000đ x 5%). Bà T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 471, 474, 476, 477, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi về phần tiền nợ lãi.

Buộc ông Nguyễn Tấn D, bà Nguyễn Thị Kiều T phải trả cho bà Trần Thị Niêm T 6.400.000đ *(Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng)* tiền nợ lãi.

Về án phí: Bà Trần Thị Niêm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T 8.160.000đ *(Tám triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000942 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 16.320.000đ *(Mười sáu triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001001 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Ông D, bà T còn phải nộp 16.020.000đ (*Mười sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan